

CÁC GIÁ TRỊ CƠ BẢN CỦA TÂY NGUYÊN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUYỄN XUÂN THẮNG, VŨ HÙNG CƯỜNG VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Bài báo giới thiệu và phân tích các giá trị cơ bản của vùng Tây Nguyên trong các lĩnh vực tự nhiên - kinh tế - văn hóa - chính trị - xã hội, đồng thời đánh giá sự biến đổi các giá trị cơ bản này trong quá trình phát triển của vùng. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm khôi phục những giá trị cơ bản mang đặc thù của Tây Nguyên.

Theo cách nhìn của nhiều ngành khoa học xã hội, giá trị là kết quả những định giá trở thành tiêu chuẩn, mục tiêu, mục đích cho các niềm tin hoặc tư tưởng quan trọng và lâu bền của con người thuộc một nền văn hóa nhất định về những gì được coi là tốt đẹp và đáng ước vọng nhất. Các giá trị chi phối, tác động đến hành vi của mỗi cá nhân, cộng đồng, nhân loại và được sử dụng làm những hướng dẫn chung cho mọi tình huống của cuộc sống. Giá trị còn là những mục tiêu, mục đích cao nhất, xa nhất và cuối cùng mà con người mong muốn có được, đạt tới được. Các giá trị phát triển được hiểu một cách trực tiếp và đơn giản là tất cả các yếu tố đóng góp cho sự phát triển, bao gồm 2 nhóm lớn: yếu tố hữu hình - vật chất và yếu tố vô hình - phi vật chất.

Việc nhìn nhận các giá trị tổng thể (kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, địa lý) rất có ý nghĩa đối với Tây Nguyên hiện tại - một khu vực tuy mức độ phát triển còn thấp nhưng ẩn chứa nhiều giá trị phát triển bền vững cho tương lai. Tuy vậy, cơ hội và thách thức cho phát triển bền vững của vùng đất này cũng rất lớn khi việc phát triển lấy mục tiêu tăng trưởng thuần túy làm trung tâm có thể tước đoạt cơ hội phát triển của thế hệ tương lai cũng như có khả năng hủy hoại các giá trị văn hóa và sinh thái của vùng.

Đặc thù các giá trị phát triển cơ bản của Tây Nguyên

Đặc thù về tự nhiên và sinh thái

Tây Nguyên là một vùng gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia

Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, diện tích tự nhiên 54.641,1 km², chiếm 16,8% diện tích cả nước, dân số năm 2012 là 5.379.600 người. Tây Nguyên có mạng lưới sông suối khá dày, nhiều ghềnh thác, có nhiều tiểu vùng khí hậu nhưng phổ biến là khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên và chia thành hai mùa (mùa mưa và mùa khô) rõ rệt, có diện tích rừng lớn với độ che phủ cao (54,6%), hệ động thực vật vô cùng phong phú, có nhiều lợi thế về đất với đặc trưng là đất đỏ bazan, thuận lợi cho nông nghiệp và cây công nghiệp, có sự thuận tiện về vị trí biên giới với Lào, Campuchia.

Đặc thù về kinh tế - dân cư

Với lợi thế về cây công nghiệp, tài nguyên, khoáng sản, sự thuận tiện trong giao lưu thương mại, du lịch..., Tây Nguyên thực sự có lợi thế địa - kinh tế, có tiềm năng để phát triển một nền kinh tế ổn định và tăng trưởng. Hiện nay, Tây Nguyên cũng là vùng đất có tộc người đa dạng bậc nhất ở nước ta với 47 dân tộc cùng sinh sống, chia thành 3 nhóm chính: dân tộc thiểu số tại chỗ (25%), dân tộc thiểu số di cư (8%) và dân tộc Kinh (67%). Trong đó, có những tộc đã cư trú trên mảnh đất Tây Nguyên từ lâu đời như Mạ, K'ho, M'Nông, Chu Ru, Raglai, Ê Đê, Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng... và được xem như là chủ nhân sớm nhất của vùng đất này.

Đặc thù về chính trị - xã hội

Tây Nguyên là vùng đất trọng yếu của quốc gia, là nóc nhà của Đông Dương với tam giác phát triển kinh tế - xã hội quan trọng gắn liền với an ninh - quốc



Lễ cúng lúa mới ở Đắk Lắk

phòng, là vùng kinh tế năng động nối liền với miền Đông Nam Bộ. Từ năm 2001 đến nay, tình hình an ninh - chính trị vùng Tây Nguyên có nhiều phức tạp. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến thực trạng này, trong đó có những vấn đề liên quan đến đất đai, người nhập cư, tôn giáo và nhiều vấn đề xã hội khác. Đây cũng là vùng có tộc người, tôn giáo đa dạng và phức tạp nhất trong cả nước, tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến những mâu thuẫn tộc người, sở hữu đất đai và cả trong những thực hành văn hóa nếu như không có sự quản lý tốt và nhìn nhận đúng về các thực hành văn hóa đan xen đó.

Đặc thù về văn hóa

Với 47 tộc người cùng sinh sống, sự chia sẻ ngôn ngữ, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, phương thức canh tác... đã tạo nên sự phong phú và đa dạng về màu sắc văn hóa. Mặt khác, các đặc điểm đa dạng của sinh thái Tây Nguyên dẫn đến cơ cấu cây trồng, phương thức sản xuất khác nhau giữa các khu vực, góp phần đem đến sự đa dạng văn hóa trong vùng. Một điểm khác cần phải lưu ý là, mức độ đô thị hóa và trình độ phát triển kinh tế cũng rất khác nhau ở các khu vực của Tây Nguyên, có những khu vực đã rất phát triển cả về thu nhập của dân cư cũng như các dịch vụ và các yếu tố khoa học - công nghệ khác. Mặt khác, cũng không thiếu các làng, buôn hiện vẫn chưa có đường đi lại, chưa được trang bị hệ thống điện, nước đầy đủ...

Đặc thù về xu hướng biến đổi và phát triển

Một mặt, thực tế phát triển ở Tây Nguyên cho thấy sự đa dạng văn hóa đang bị suy giảm, các tộc người ở Tây Nguyên đang có xu hướng đi theo một mô hình phát triển giống nhau, mô hình được coi là văn minh hiện đại được áp đặt từ bên ngoài. Mặt khác, nền tảng văn hóa truyền thống vẫn chi phối mạnh mẽ văn hóa đương đại. Những sự biến đổi, phát triển vẫn được xây dựng và sáng tạo trên cơ sở truyền thống, tạo ra tính huyền ảo, kỳ vĩ, giàu có và sự hấp dẫn đầy ma lực của vùng đất này. Trong xã hội đương đại Tây Nguyên, vẫn có xu hướng phục hồi và sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống, chẳng hạn: nhiều lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức trở lại, nhiều di sản văn hóa được hồi sinh...

Sự mai một các giá trị cơ bản trong quá trình phát triển ở Tây Nguyên

Hủy hoại tài nguyên, môi trường ô nhiễm và suy thoái trầm trọng

Tình trạng sử dụng đất trong nông nghiệp không theo quy hoạch, diện tích trồng các cây cà phê, hồ tiêu, cao su vượt nhiều so với quy hoạch đã dẫn đến hậu quả cung vượt cầu, giá cả diễn biến thất thường; nảy sinh dịch bệnh, năng suất tăng chậm và không ổn định; gây suy thoái tài nguyên đất, thiếu nước trong mùa khô. Rừng liên tục giảm cả

về diện tích và chất lượng do phá rừng để chuyển sang nông nghiệp, thủy điện, công nghiệp, đô thị. Việc giảm diện tích rừng có nguy cơ lớn đối với sinh thái toàn vùng Tây Nguyên và các vùng lân cận. Việc khai thác tài nguyên trên đất và trong lòng đất gây nên những tác hại xấu đối với môi trường và đời sống dân cư ở nhiều vùng. Điển hình nhất là tình hình phát triển thủy điện tràn lan gây nhiều hệ lụy cả ở Tây Nguyên lẫn các địa phương vùng hạ du. Sự chuyển đổi sang trồng cây công nghiệp đã dẫn đến việc sử dụng lượng phân hóa học, thuốc trừ sâu lớn, gây ô nhiễm và suy thoái môi trường một cách trầm trọng. Hệ quả là, ở nhiều nơi, chỉ một thời gian ngắn, năng suất cây trồng bị giảm đáng kể.

Phá hủy đa dạng sinh học và không gian sinh tồn truyền thống

Môi trường sống và không gian sinh tồn của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên chính là buôn làng, cùng với hệ sinh thái rừng và đất rừng, thung lũng, sông suối xung quanh. Hiện nay, không gian sinh tồn của các cộng đồng tộc người ở Tây Nguyên bị thu hẹp một cách đáng kể. Ngoài chương trình di dân đồng bằng - miền núi và định canh - định cư do Nhà nước tổ chức, còn có các đợt di cư tự do từ miền xuôi lên miền núi, sự thành lập các nông lâm trường... cũng dẫn đến sự thay đổi lớn về không gian sinh tồn cũng như cơ cấu và phân bố tộc người ở hầu hết các địa bàn. Quá trình đô thị hóa, dân nhập cư ồ ạt và sự chuyển đổi sang trồng cây công nghiệp cũng làm huỷ hoại và thu hẹp không gian sinh tồn truyền thống, trực tiếp đe dọa tới sự tồn vong của cộng đồng cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Biến đổi sinh kế theo hướng thị trường và các thách thức đối với phát triển bền vững

Sinh kế của các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên chủ yếu là canh tác nương rẫy, phục vụ cho cuộc sống tự cấp, tự túc. Trong mô hình này, người dân phát hoang các mảnh nương trong phạm vi sở hữu của cộng đồng để trồng trọt trong vài năm. Sau đó, họ để hoang các mảnh nương cũ đã bạc màu trong vòng 10-20 năm đủ để đất có lại sự màu mỡ rồi sau đó quay lại canh tác chính trên các mảnh nương đó. Ngoài ra, săn bắn và hái lượm các sản vật tự nhiên từ rừng và sông, suối cũng là hoạt động kinh tế quan trọng của các cộng đồng tại chỗ của khu vực này. Sau năm 1975, đặc biệt là bắt đầu từ cuối những năm 90, cùng với các nông lâm trường của Nhà nước, các tộc người thiểu số tại chỗ chuyển

dẫn sang mô hình trồng cây công nghiệp dài ngày như cà phê, tiêu, cao su và ở nhiều nơi hiện nay là ca cao. Sự chuyển đổi này làm cho nhiều hộ gia đình có nền kinh tế khá giả, tuy nhiên cũng tạo ra nhiều thách thức đối với phát triển bền vững của các gia đình và cộng đồng tộc người.

Sự thay đổi nhanh chóng của lối sống, đặc biệt là giới trẻ

Sự thay đổi thể hiện từ cuộc sống hàng ngày cho đến đời sống sản xuất, tâm linh và các hoạt động giải trí. Dù ở các buôn làng vùng sâu, vùng xa cũng khó có thể nhìn thấy đồng bào mặc các trang phục truyền thống, trừ khi có lễ hội hoặc có sự yêu cầu; đồng bào ngồi ở nhà cũng có thể mua được thức ăn do mạng lưới dịch vụ bán thực phẩm và nhu yếu phẩm rộng rãi rất phổ biến và tiện lợi; nhà xây kiên cố hoặc nhà lợp tôn đã thay thế phần lớn cho nhà tranh, nhà sàn... Không thay đổi một cách nhanh chóng và dễ thấy như những biểu hiện của đời sống vật chất, song những đổi về đời sống tinh thần, tín ngưỡng, xã hội cũng ngày càng sâu sắc. Già làng không còn quan trọng nữa; cơ chế kiểm soát hành vi bằng luật tục, dư luận trở nên kém hiệu quả; niềm tin vào thần linh, vào Yang nhạt dần, khiến cho đồng bào không còn cần thiết giữ gìn các vật thiêng; lối sống được xem là “văn minh, hiện đại” với nhà lầu, xe hơi, mặc đồ Tây, ăn ở hàng quán... dần trở nên phổ biến. Lối sống này đã khiến cho đồng bào các dân tộc dần dần thực hành nhiều hiện tượng văn hóa như nhau, như người Kinh và như những gì mà họ nghĩ là văn minh, hiện đại hơn so với các thực hành văn hóa đặc thù của mỗi tộc người.

Sự xói mòn, thậm chí biến mất của các yếu tố văn hóa truyền thống

Ngay trong cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ, những ngôi nhà mồ và tượng mồ truyền thống không còn phổ biến nữa, thay vào đó nhà mồ được xây xi măng và lợp mái tôn, tượng mồ cũng bằng xi măng, nhà dài cũng đã vắng bóng. Các nghi lễ truyền thống như lễ đâm trâu cũng đã hiếm dần, lễ cúng bến nước cũng trở nên không cần thiết nữa khi bến nước mất dần, nước suối được thay bằng nước giếng khoan, nước máy. Các hình thức nghệ thuật truyền thống, đặc biệt là công chiêng trong các nghi lễ bị sân khấu hóa, mang nặng tính trình diễn, các áng sử thi trầm hùng, các bài kể khan cũng đã dần mất theo sự ra đi của những người cao tuổi. Luật tục, một trong những thiết chế quản lý cộng đồng quan trọng nhất của các tộc người bản

địa Tây Nguyên đã không còn đảm nhận được chức năng quản lý vốn có của nó khi mà vai trò của già làng cũng bị suy giảm rõ rệt...

Tác động mạnh mẽ của quá trình hiện đại hoá và các chính sách phát triển văn hoá, kinh tế - xã hội

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình hiện đại hoá thể hiện qua sự phát triển cơ sở hạ tầng, thay đổi lối sống qua sự tiếp xúc với các truyền thống văn hoá du nhập từ bên ngoài thông qua sự phát triển của du lịch, di cư, truyền thông và đặc biệt là sự can thiệp của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá của Nhà nước... là những yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi này. Về mặt thời gian, có thể nói, quá trình hiện đại hoá đã diễn ra hàng vài thập kỷ, ngay từ khi người Pháp đặt chân và thiết lập hệ thống quản lý của họ đến mảnh đất này. Tuy nhiên, giống như ở nhiều vùng miền núi Việt Nam khác, mốc phát triển có tác động mạnh mẽ đến các vấn đề bảo tồn văn hoá dân gian có lẽ phải đến đầu những năm 80. Các khía cạnh khác nhau của sự “hiện đại hoá” này đã tạo ra cơ hội và thách thức đối với bảo tồn và phát huy di sản văn hoá của các tộc người ở Tây Nguyên. Về mặt chính sách, sau khi thống nhất đất nước, Nhà nước khuyến khích xoá bỏ hoặc cấm nhiều thực hành văn hoá bị coi là không hợp thời, phi khoa học và lãng phí, làm mất đi môi trường diễn xướng và truyền dạy. Như vậy, tác động của chính sách bảo tồn có lựa chọn làm mất đi ý nghĩa tôn giáo và biểu tượng của thực hành dân gian. Bên cạnh đó, sự thay đổi về kinh tế - xã hội, ngành nghề, cơ cấu cây trồng cũng khiến cho môi trường diễn xướng, truyền dạy bị mai một.

Một số kiến nghị, giải pháp ban đầu để phát triển những giá trị cơ bản của Tây Nguyên

- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên đất đai và rừng, hạn chế việc lãng phí trong sử dụng và khai thác nguồn lực đất đai, rừng và hủy hoại tài nguyên.

- Tái tạo và hình thành không gian văn hóa Tây Nguyên, trên cơ sở đó tạo điều kiện để khôi phục và phát triển các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số tại chỗ, mang đặc thù Tây Nguyên. Cần thay đổi cách nhìn nhận và đánh giá về vai trò, giá trị và chức năng của cách thực hành văn hóa các cộng đồng tộc người Tây Nguyên. Giảm thiểu các mô hình phát triển và chính sách phát triển làm suy

giảm sự đa dạng văn hoá, đặc biệt là đa dạng sinh kế, tạo ra các mô hình sinh kế có thể tạo ra sự phụ thuộc vào bên ngoài ở các khu vực Tây Nguyên.

- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, văn hóa và di dân một cách đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với nhau. Cần coi sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo, văn hóa là những giá trị phát triển cơ bản đặc thù vùng Tây Nguyên, trên cơ sở đó xây dựng các chính sách nhằm phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực của vấn đề dân tộc, tôn giáo, văn hóa và di dân vùng Tây Nguyên.

- Phát huy vai trò của thể chế phi chính thức, luật tục truyền thống, già làng, phụ nữ dân tộc thiểu số tại chỗ, tri thức bản địa trong quản lý phát triển xã hội.

- Thay đổi cách thức hoạch định chính sách phát triển vùng Tây Nguyên, nâng cao sự tham gia của chính quyền địa phương, cộng đồng và người dân trong hoạch định và giám sát thực hiện chính sách phát triển vùng Tây Nguyên, tránh sự áp đặt mô hình phát triển chung của cả nước hoặc của vùng khác vào Tây Nguyên trong khi ít xem xét những yếu tố và giá trị đặc thù của vùng, nhất là những lợi thế về vị trí địa - kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh (2014), Mấy vấn đề về đổi mới quản lý nhà nước đối với đất đai ở Tây Nguyên, báo cáo Hội thảo của Chương trình Tây Nguyên 3 tại Ban Mê Thuột, 25-26.4.2014.
2. Vũ Tuấn Anh, đề tài Vấn đề quản lý và sử dụng đất đai ở Tây Nguyên (TN3/X12).
3. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2006), Kinh tế - xã hội Tây Nguyên (2001-2005). Tập số liệu thống kê (lưu hành nội bộ).
4. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2006), Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bùi Quang Dũng, đề tài Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong phát triển bền vững Tây Nguyên (TN3/X10).
6. Bùi Văn Đạo, đề tài Vai trò của một số nhóm xã hội các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên (TN3/X18).
7. Lê Hồng Lý, đề tài Vai trò của văn hóa và lối sống trong sự phát triển bền vững Tây Nguyên (TN3/X04).
8. Phạm Ngọc Thanh, đề tài Vấn đề phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Tây Nguyên (TN3/X07).